| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 26/9/2025
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Thương Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Phương

Ông Quàng Văn M

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thi Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên tham gia phiên toà:*** Bà Tăng Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* "; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST- HNGĐ ngày 10/9/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lò Thị M, sinh năm 1977.

Địa chỉ: B P, xã Th A, tỉnh Đ. (vắng mặt có lý do)

* Bị đơn: Anh Cà Văn H, sinh năm 1977

Địa chỉ: B P, xã Th A, tỉnh Đ). (vắng mặt không lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lò Thị M trình bày:***

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Cà Văn H lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 20/9/2002, chúng tôi kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng hạnh phúc được mấy năm đầu vợ chồng chung sống hòa T ận, hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu T ẫn. Nguyên nhân chính là do anh H chơi bời đua đòi theo chúng bạn dẫn đến nghiện ma tuý vào khoảng đầu năm 2011, việc anh H nghiện ma tuý dẫn đến bất đồng quan điểm, bản thân tôi khuyên ngăn anh H nhiều lần đi cai nghiện nhưng anh H không đi cai nghiên. Tôi đã sống ly thân với anh H tôi có khuyên ngăn động viên nhiều lần nhưng anh H không

nghe vẫn đi chơi với người nghiện, tôi và anh H không có tiếng nói chung, mâu T ẫn ngày càng trầm trọng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy tôi đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên giải quyết cho ly hôn với anh Lò Văn H để tôi còn ổn định cuộc sống.

1.2. Về con chung:

Vợ chồng chúng tôi có 02 con chung, cháu thứ nhất là Cà Văn Q , sinh 16/7/2000 cháu đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết; cháu thứ hai là Cà Thị T , sinh 19/8/2007.

1.3. Về tài sản chung; về nợ chung, nợ riêng: Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

**2. Đối với bị đơn anh Cà Văn H:** Sau khi thụ lý vụ án anh H không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình. Tại phiên tòa anh H vắng mặt không có lý do.

**3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, chấp hành tốt Điều 48 của BLTTDS; xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về xây dựng hồ sơ, T thập chứng cứ đầy đủ, hợp pháp; thông báo cho đương sự và VKS đầy đủ các văn bản tố tụng; sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu trong thời hạn luật định. Hội đồng xét xử: Thành phần HĐXX đúng quy định tại Điều 63 của BLTTDS; điều khiển phiên tòa đảm bảo đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS. Thư ký Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 BLTTDS. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, đề nghị xử cho chị Lò Thị M được ly hôn với anh Cà Văn H.
- Về quan hệ con chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T , miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị Lò Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, anh Cà Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:*

**[1] Về tố tụng:** Chị Lò Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Cà Văn H. Đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Anh H có địa chỉ tại Bản Pủ, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là B P, xã Th A, tỉnh Đ) nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp trên T ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên.

Các vấn đề khác: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của Viện kiểm sát để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

**[2] Về nội dung:**

***[2.1] Xét về hôn nhân:***

[**2**]. Về nội dung yêu cầu của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân chị Lò Thị M và anh Cà Văn H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là xã Thanh An, tỉnh Điện Biên) vào ngày 20/9/2002; khi đăng ký kết hôn, chị M và anh H đều đã trên 18 tuổi nên xác định quan hệ hôn nhân của chị M và anh H là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị M cho rằng vợ chồng chung sống hòa T ận, chúng tôi kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Quá trình chúng sống, chị M vợ chồng hạnh phúc được mấy năm đầu vợ chồng chung sống hòa T ận, hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu T ẫn. Nguyên nhân chính là do anh H chơi bời đua đòi theo chúng bạn dẫn đến nghiện ma tuý vào khoảng đầu năm 2011, việc anh H nghiện ma tuý dẫn đến bất đồng quan điểm, bản thân tôi khuyên ngăn anh H nhiều lần đi cai nghiện nhưng anh H không đi cai nghiên. Chị M đã sống ly thân với anh H, chị M và anh H không có tiếng nói chung, mâu T ẫn ngày càng trầm trọng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị M đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên giải quyết cho ly hôn với anh Lò Văn H để chị M còn ổn định cuộc sống. Việc này đã được UBND xã Thanh An, tỉnh Điện Biên xác nhận vào ngày 22/7/2025.

Sau khi thụ lý Tòa án đã thanh báo bằng điện thoại và bằng văn bản cho anh H được biết, nhưng anh H không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án, Tòa án đã tống đạt các văn bản hợp lệ. Tòa đã triệu tập anh H nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh H đã mâu T ẫn trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết, mặc dù tại phiên toà ngày hôm nay chị M có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị M khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lò Thị M và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị M và anh Cà Văn H.

***[2.2] Về con chung:***

Chị M và anh H có 02 con chung, cháu thứ nhất là Cà Văn Q , sinh 16/7/2000 cháu đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết; cháu thứ hai là Cà Thị T , sinh 19/8/2007 tại thời điểm xét xử cháu Cà Thị T đã đủ tuổi thành niên nên chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do hai cháu đã trưởng thành chị M không yêu cầu Toà án giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét.

***[2.3] Xét về tài sản và công nợ:*** Chị M khai không yêu cầu Toà án giải quyết, do vậy HĐXX không có căn cứ giải quyết trong vụ án.

**[3] Về nghĩa vụ chịu án phí:** Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức T , miễn, giảm, T , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lò Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo thông báo số 7 ngày 24/7/2025 (mã thông báo: **MUMNCGSMVO**) biên lai số **0000014** chị M đã nộp đủ án phí DSST.

***Vì các lẽ trên:***

## QUYẾT ĐỊNH:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1, 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 và Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 5, 8, 9, Khoản 1 Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T , miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Lò Thị M với anh Cà Văn H.

**2. Về con chung:** Chị M và anh H có 02 con chung, cháu thứ nhất là Cà Văn Q , sinh 16/7/2000; cháu thứ hai là Cà Thị T , sinh 19/8/2007.

Do các cháu đã Thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết.

**3. Về tài sản:** Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Tòa án không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Lò Thị M phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 7 ngày 24/7/2025 (mã thông báo: **MUMNCGSMVO**) biên lai số **0000014** chị M đã nộp đủ án phí DSST.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lò Thị M và anh Cà Văn H đều vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yêu theo quy định./.

**Nơi nhận**:
- Các đương sự;
- VKSNDKV2 - ĐB;
- UBND xã Thanh An, tỉnh ĐB (nơi Đ.ký kết hôn);
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Thi hành án DS tỉnh Điện Biên;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thương Huyền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thương Huyền**

**Nơi nhận**:
- Các đương sự;
- VKSNDKV2 - ĐB;
- UBND xã Thanh Yên, tỉnh ĐB (nơi Đ.ký kết hôn);
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Thi hành án DS tỉnh Điện Biên;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thương Huyền**